

Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

08:41 17/11/2016

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP quy định về đối tượng chịu phí, các trường hợp miễn phí, người nộp phí, mức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

THCL Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP quy định về đối tượng chịu phí, các trường hợp miễn phí, người nộp phí, mức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.



Xả nước thải phải nộp phí bảo vệ môi trường

Đối tượng chịu phí

Nghị định quy định đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, trừ một số trường hợp được miễn phí.

Nghị định nêu rõ nước thải công nghiệp là nước thải từ: Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá; cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề; cơ sở thuộc da, tái chế da; cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; cơ sở dệt, nhuộm, may mặc; cơ sở sản xuất giấy, bột giấy, nhựa, cao su; cơ sở sản xuất phân bón, hoá chất, dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, đồ gia dụng; cơ sở cơ khí, luyện kim, gia công kim loại, chế tạo máy và phụ tùng; cơ sở sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử; cơ sở sơ chế phế liệu, phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu; nhà máy cấp nước sạch; hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp; cơ sở sản xuất khác.

Nước thải sinh hoạt là nước thải từ: hộ gia đình; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân); trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến; cơ sở rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy; bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác; các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định là nước thải công nghiệp.

Mức phí BVMT

Nghị định quy định rõ mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần thiết áp dụng mức thu cao hơn, HĐND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình thuộc trường hợp được miễn phí) thì mức phí được xác định theo từng người sử dụng nước căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của một người trong xã, phường, thị trấn nơi khai thác và giá bán 1 m³ nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn.

Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tính như sau: $F = f + C$

Trong đó: F là số phí phải nộp; f là mức phí cố định 1.500.000 đồng/năm; C là phí biến đổi, tính theo: Tổng lượng nước thải ra; hàm lượng thông số ô nhiễm và mức thu đối với mỗi chất theo Biểu dưới đây:

Số TT	Thông số ô nhiễm tính phí	Mức phí (đồng/kg)
-------	---------------------------	-------------------

1	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	2.000
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	2.400
3	Thủy ngân (Hg)	20.000.000
4	Chì (Pb)	1.000.000
5	Arsenic (As)	2.000.000
6	Cadmium (Cd)	2.000.000

Cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải dưới 20 m³/ngày đêm, không áp dụng mức phí biến đổi.

Số phí phải nộp

Nghị định quy định số phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với nước thải sinh hoạt được xác định như sau:

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \text{Số lượng nước sạch sử dụng (m}^3\text{)} \times \text{Giá bán nước sạch (đồng/m}^3\text{)} \times$$

Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được xác định như sau:

- Số phí cố định phải nộp là 1.500.000 đồng/năm;
- Số phí biến đổi (C) theo quy định ở trên được tính cho từng chất gây ô nhiễm theo công thức sau:

$$\text{Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp (đồng)} = \text{Tổng lượng nước thải ra (m}^3\text{)} \times \text{Hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)} \times 10^{-3}$$

Mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải công nghiệp của
chất gây ô nhiễm thải ra môi
trường (đồng/kg).

- Trường hợp có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20 m³/ngày đêm, số phí cố định (f) phải nộp là: 1.500.000 đồng/năm;

- Trường hợp có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m³/ngày đêm trở lên, số phí phải nộp hàng quý được tính theo công thức sau: $F_q = (f/4) + C_q$

Trong đó: F_q là số phí phải nộp trong quý (đồng); $f = 1.500.000$ đồng; C_q là số phí biến đổi phải nộp trong quý.

Các trường hợp được miễn phí

Nghị định cũng quy định các trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gồm: 1- Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, chế biến mà không thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào (chất rắn, chất lỏng, chất khí); 2- Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; 3- Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội; 4- Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch; 5- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng; 6- Nước mưa tự nhiên chảy tràn (trừ diện tích thuộc khu vực nhà máy hóa chất); 7- Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân; 8- Nước thải sinh hoạt tập trung do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tiếp nhận và đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định xả thải ra môi trường.

Cơ quan thu phí

Nghị định quy định rõ sở tài nguyên và môi trường thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Căn cứ vào yêu cầu thu phí của mỗi địa phương và khả năng quản lý của cơ quan tài nguyên môi trường cấp huyện, sở tài nguyên và môi trường có thể báo cáo UBND cấp tỉnh để phân cấp cho phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn.

Đơn vị cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch.

UBND xã, phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng.

PV